

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

Bản án số: 35/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 14/7/2017.

V/v “Tranh chấp ly hôn, nuôi
con khi ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bích Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Ngọc Các.

2. Ông Đỗ Ngọc Cận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Chí Thúc, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thúy Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 14/7/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2017 về Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/6/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Đức T**, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Số 2/52 đường Lê Vĩnh Hòa, khóm M, phường N, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Bị đơn: Bà **Trương Thị Tường V**, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Số 2/52 đường Lê Vĩnh Hòa, khóm M, phường N, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng. Chỗ ở hiện nay: Số 141/1 ấp Q, xã W, huyện E, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/02/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Nguyễn Đức T trình bày: Ông và bà Trương Thị Tường V tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường N, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/3/2012. Trong thời gian chung sống, ông bà có hai người con chung tên Nguyễn Đức A (nam, sinh ngày 13/12/2010) và Nguyễn Thị Hải N (nữ, sinh ngày 29/6/2012), hiện hai con đang

sống chung với bà V tại địa chỉ: Số 141/1 ấp Q, xã W, huyện E, tỉnh Trà Vinh. Quá trình sống chung ông, bà có tạo lập được tài chung nhưng không có nợ chung.

Đến khoảng đầu năm 2015 thì vợ chồng ông, bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, mỗi người đều có quan điểm riêng của mình không ai chấp nhận ai, từ đó làm cho cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, không thể hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến ngày 07/02/2017 thì bà V đã về nhà mẹ ruột tại tỉnh Trà Vinh sinh sống đến nay. Ông nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không có khả năng hàn gắn tình cảm. Nay ông T yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với bà Trương Thị Tường V.

+ Về con chung: Ông đồng ý giao con chung tên Nguyễn Đức A (nam, sinh ngày 13/12/2010) và Nguyễn Thị Hải N (nữ, sinh ngày 29/6/2012) cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi, ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng.

+ Về tài sản chung: Ông T và bà V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Ông T tự khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tường trình bày ý kiến ngày 24/02/2017, bà Trương Thị Tường V trình bày: Bà thống nhất với ý kiến của Nguyễn Đức T về thời gian vợ chồng kết hôn, con chung. Sau khi kết hôn thì ông, bà chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2016 thì tình cảm ông T dành cho gia đình có những chuyển biến xấu, ông T không chu cấp tiền cho bà và hai con từ tháng 12/2016 đến nay. Nguyên nhân, do ông T có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài. Ông T cho rằng giữa bà và ông T đã hết duyên nên cần giải thoát cho nhau, nếu bà đồng ý ly hôn, ông T sẽ giao quyền nuôi dưỡng hai con chung cho bà và đồng ý cấp dưỡng nuôi mỗi người con là 2.000.000 đồng/tháng. Bà không muốn hai con bà phải mất cha nên bà không đồng ý ly hôn với ông T.

- Ý kiến của kiểm sát viên viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng cho rằng:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 68; 70; 71; 86 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Riêng bị đơn bà Trương Thị Tường V không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng

dân sự. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Trương Thị Tường V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2, Điều 227, Khoản 3, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt bà Trương Thị Tường V.

[2] Về quan hệ pháp luật, khi thụ lý vụ án Tòa án xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hôn nhân và gia đình nhưng trong quá trình giải quyết xét thấy theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thì cần xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn mới phù hợp.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T: Quan hệ hôn nhân của ông Nguyễn Đức T và bà Trương Thị Tường V không vi phạm các điều kiện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố P, tỉnh Sóc Trăng theo quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau thời gian chung sống thì ông T, bà V phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mâu thuẫn về tài chính, thiếu quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà V không đồng ý ly hôn với ông T, còn ông T xác định không còn tình cảm với bà V, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không còn khả năng hàn gắn và kiên quyết xin ly hôn với bà V. Nhận thấy, tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đồng thời, từ tháng 02/2017 đến nay ông, bà đã sống ly thân không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông T được ly hôn với bà V.

[4] Về con chung: Ông T đồng ý giao hai con chung tên Nguyễn Đức A (nam, sinh ngày 13/12/2010) và Nguyễn Thị Hải N (nữ, sinh ngày 29/6/2012) cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Xét thấy, cháu A, cháu N hiện đang sống chung với bà V, nên cần giao các cháu cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Do ông T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Đức A (nam, sinh ngày 13/12/2010) và Nguyễn Thị Hải N (nữ, sinh ngày 29/6/2012) mỗi cháu 2.000.000 đồng/tháng đến khi cháu A, cháu N đủ 18 tuổi nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Ông Nguyễn Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình mà không ai được cản trở.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Đức T và bà Trương Thị Tường V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Như đã phân tích nêu trên, lời đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[9] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng theo quy định tại tại Điểm a, Khoản 5 và Điểm a, Khoản 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 5, Khoản 1 Điều 28, điểm a, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 227, Khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ: Điểm a, Khoản 5 và Điểm a, Khoản 6, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Nguyễn Đức T và bà Trương Thị Tường V.

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Đức A (nam, sinh ngày 13/12/2010) và Nguyễn Thị Hải N (nữ, sinh ngày 29/6/2012) cho bà Trương Thị Tường V trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông Nguyễn Đức T phải đóng góp nuôi con với bà Trương Thị Tường V mỗi cháu một tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi cháu A, cháu N đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung Nguyễn Đức A và Nguyễn Thị Hải N theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Đức T và bà Trương Thị Tường V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Đức T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0004899 ngày 17/02/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; Ông T còn phải nộp thêm án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

Bà Trương Thị Tường V không phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. Riêng phần nội dung về cấp dưỡng được thi hành ngay theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 482 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSNDTPST;
- Chi cục THADSTPST;
- Ủy ban nhân dân phường N, TP P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Huỳnh Thị Bích Tuyền